

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **153/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/4/2019

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Phan Phước Tân**

Bà **Nguyễn Thị Thanh Huyền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Trà Mi** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 140/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1978; Cư trú: ấp Tân Thạnh, thị trấn L Bình, huyện An Phú, An Giang.

- Bị đơn: Ông **Lê Văn L**, sinh năm: 1981; Cư trú: Khu dân cư Khánh Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, An Giang.

(Bà T có mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà **Nguyễn Thị T** (Y) nộp đơn xin ly hôn với ông **Lê Văn L** với nội dung như sau:

Hôn nhân giữa bà và ông L được hình thành là do tự tìm hiểu yêu thương nhau trước rồi được cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh An, huyện An Phú. Cuộc sống chung không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn đã 02 năm nay. Nguyên

nhân là do hai người bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, nên thời gian sau này vợ chồng thương xuyên gây cãi nhau làm mất hạnh phúc gia đình, hai người sống ly thân nhau hơn 02 năm nay. Cha mẹ hai bên có không ai đứng ra hàn gắn, tự ông bà giải quyết. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà T khai không có.

Về quan hệ tài sản chung: không có; Nợ chung: Không có, cũng không ai nợ lại ông bà.

Tại phiên tòa hôm nay ông L vắng mặt. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân giữa ông và bà T để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bà T bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng...là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án nhân thấy, bà T và ông L là vợ chồng có đăng ký kết hôn, qua kết quả xác minh thì ông L vẫn còn địa phương nhưng không quan tâm đến việc hàn gắn với vợ, Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân và nơi cư trú của ông L do đó có căn cứ để cho ly hôn, về quan hệ hôn nhân đề nghị Tòa án tuyên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông L đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về sự vắng mặt của ông L, được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của ông L không gây trở ngại cho việc xét xử; Căn cứ khoản 05 Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành niêm yết xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về hôn nhân giữa bà T được hình thành trên cơ sở tự tìm hiểu nhau trước, được cha mẹ hai bên đồng ý và tiến hành tổ chức đám cưới vào năm 2015 và hai người sống chung nhau từ thời gian đó, hôn nhân có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung không hạnh và phát sinh mâu thuẫn hơn 02 năm nay. Nguyên nhân là do bà và ông L sống không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên gây

cải nhau nên mất hạnh phúc vợ chồng và hai người không sống chung nhau cách nay 02 năm.

[3] Tại phiên tòa, ông L vắng mặt nhưng lời khai của bà T là phù hợp với biên bản xác minh ngày 22/02/2019 và biên bản xác minh ngày 03/4/2019 –bà Nguyễn Thị Hạnh và bà Phan Thị Đáng cho biết: T và L tổ chức đám cưới cách đây hơn 02 năm, cuộc sống chung không hạnh phúc, thường xuyên gây cãi nhau nên bà T bỏ đi làm xa và vợ chồng sống xa nhau từ thời gian đó đến nay.

Tại biên bản xác minh ngày 13/02/2019 ông Võ Văn Phát – Phó ấp Khánh Hòa cung cấp thông tin như sau: Hiện nay ông Lê Văn L vẫn còn hộ khẩu thường trú tại ấp ấp Khánh Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, An Giang. Về tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông L theo ông được biết do mâu thuẫn nhau nên hiện giờ không còn chung sống với nhau nữa.

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó việc xác minh nơi cư trú của ông L cho thấy ông vẫn còn hộ khẩu ở địa phương và cũng thường đi và về nhà do đó Tòa án niêm yết theo quy định khoản 05 Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông L.

[4] Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ngay từ ban đầu là bất đồng nhau trong cách sống, lẽ ra hai bên tự tìm cách hóa giải để tạo điều kiện cho cuộc sống hạnh phúc. Ngược lại cả hai cùng bỏ mặc nhau, không quan tâm, địa phương biết, gia đình biết cả hai không còn yêu thương nhau.

Trong thời gian ly thân nhau nhưng ông L không quan tâm đến vợ, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình, thì ông L bà T đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 luật hôn nhân và gia đình 2014 “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung T, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”, do đó Tòa án nhận thấy cả hai vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ.

[5] Về quan hệ con chung: Bà T trình bày là không có.

[6] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có. Do ông L vắng mặt nên Tòa án không giải quyết nếu sau này ông L có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông Huy không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T(Y).

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T(Y) được ly hôn với ông Lê Văn L.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 42/2015 ngày 04/5/2015 không còn giá trị pháp lý.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T(Y) phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010850 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà T đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/02/2019) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Lê Văn L được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh ;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Khánh An ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phong Phi